

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đến năm 2030”, mã số KX.09/25-30**

**BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư;

Căn cứ Quyết định số 3910/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1066/TTG-KGVX ngày 05/8/2021 về tái cơ cấu các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đến năm 2030”, mã số KX.09/25-30.

Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của Chương trình quy định tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Cơ chế quản lý và tài chính của Chương trình được thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Ban Chủ nhiệm Chương trình, Giám đốc Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Chính phủ;
- UB KHCVNT của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Lưu: VT, KHVC<sub>(ptnha)</sub>.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Bùi Thế Duy**

## PHỤ LỤC

**Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đến năm 2030”, mã số KX.09/25-30**

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-BKH-CN ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

### I. Mục tiêu

Phát triển khoa học giáo dục góp phần giải quyết những vấn đề về lý luận và thực tiễn đặt ra trong quá trình đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo Việt Nam đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Mục tiêu cụ thể bao gồm:

- Cung cấp luận cứ khoa học cho quá trình hoàn thiện thể chế, xây dựng chính sách nhằm phát triển giáo dục và đào tạo, tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
- Đề xuất các giải pháp hiệu quả nhằm phát triển hệ thống giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi đối tượng người học, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục đến năm 2030 và các năm tiếp theo.
- Góp phần phát triển đội ngũ các nhà nghiên cứu về khoa học giáo dục tại Việt Nam.

### II. Nội dung nghiên cứu

Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia “Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đến năm 2030” tập trung vào 6 nhóm nội dung chính.

#### 1. Nghiên cứu luận cứ khoa học cho quá trình hoàn thiện thể chế, xây dựng chính sách giáo dục

- Luận cứ khoa học và đề xuất căn cứ xây dựng, sửa đổi một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục.
- Cơ cấu hệ thống và phương thức quản lý nhà nước về giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển nhân lực quốc gia, phù hợp với điều kiện Việt Nam và xu thế phát triển giáo dục thế giới.
- Mối quan hệ giữa phát triển giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế tại Việt Nam.
- Cơ chế giám sát nhà nước, giám sát của xã hội đối với các cơ sở giáo dục đào tạo và hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục - đào tạo.
- Các giải pháp xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, chính sách quản lý về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.
- Luận cứ khoa học cho việc xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2031 – 2040.

## **2. Nghiên cứu phát triển hệ thống, mạng lưới và mô hình giáo dục**

- Các giải pháp phát triển hệ thống giáo dục mở, liên thông, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi người trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.
- Các giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, đại học, giáo dục nghề nghiệp đảm bảo giáo dục hoà nhập, công bằng, có chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển đa dạng của người học.
- Các mô hình giáo dục trong và ngoài nhà trường gắn với mục tiêu xây dựng xã hội học tập.
- Mô hình trường học hạnh phúc và định hướng triển khai tại Việt Nam.
- Xu thế phát triển giáo dục của khu vực và thế giới. Các giải pháp phát triển giáo dục quốc tế tại Việt Nam.

## **3. Nghiên cứu phát triển chương trình, đổi mới phương thức giảng dạy, kiểm tra đánh giá trong giáo dục**

- Đánh giá 5 năm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đề xuất điều chỉnh chương trình.
- Phát triển chương trình giáo dục mầm non, phổ thông phù hợp đặc điểm phát triển đa dạng của người học và nhu cầu đặc thù theo vùng miền.
- Tích hợp các nội dung về phát triển bền vững, giáo dục cảm xúc xã hội, giáo dục đa văn hoá, giáo dục xanh, chuyển đổi số trong chương trình giáo dục các bậc học.
- Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức trong dạy học, kiểm tra đánh giá, thi và tuyển sinh theo hướng tiếp cận phát triển năng lực người học ở các cấp học, ngành học và trình độ đào tạo.
- Các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số hiệu quả, đặc biệt là sử dụng trí tuệ nhân tạo trong tất cả các khâu của quá trình học tập, giảng dạy, kiểm tra đánh giá và quản lý cho các cấp học.

## **4. Nghiên cứu các vấn đề về văn hoá và quản trị trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông**

- Quản trị các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trong xu hướng xã hội hoá giáo dục và bối cảnh hội nhập quốc tế.
- Văn hoá chất lượng trong trường học, các vấn đề về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.
- Môi trường và văn hóa trường học trong bối cảnh chuyển đổi số, các vấn đề về an toàn thông tin, quyền riêng tư và các vấn đề đạo đức khi sử dụng công nghệ trong giáo dục.
- Sự kết nối, khai thác, phát huy giá trị văn hoá, vùng miền trong thực hiện và nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục các cấp học.
- Sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng nhằm tăng cường sự kết nối và hỗ trợ học sinh.

### **5. Nghiên cứu cơ sở khoa học về phát triển con người**

- Xây dựng bộ chỉ số tâm, sinh lý người học theo độ tuổi của trẻ em mầm non và học sinh phổ thông làm cơ sở cho việc xây dựng, phát triển chương trình giáo dục.

- Các vấn đề về sức khoẻ thể chất và tinh thần của người học, người dạy và cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo. Các giải pháp nâng cao chất lượng công tác tư vấn tâm lý học đường.

- Các vấn đề về khoa học thần kinh, khoa học nhận thức, tâm lý học tư duy và sáng tạo.

### **6. Nghiên cứu các vấn đề về giáo dục đại học**

- Chính sách, quản lý và quản trị đối với các cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh tự chủ và tác động của xu hướng quốc tế hoá trong giáo dục đại học.

- Các giải pháp tăng cường liên kết của hệ thống giáo dục đại học, bao gồm liên kết giữa các lĩnh vực đào tạo và các ngành kinh tế, giữa các cơ sở giáo dục đại học và hệ thống đổi mới sáng tạo và giữa các cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống.

- Các vấn đề liên quan đến tiếp cận và công bằng trong giáo dục đại học, tập trung vào sự chênh lệch về điều kiện kinh tế xã hội, vấn đề giới và hỗ trợ các nhóm yếu thế.

- Tài chính trong giáo dục đại học, đặc biệt là về tỉ suất thu hồi trong đầu tư cho giáo dục đại học, cơ chế quản lý và phân bổ nguồn lực, mô hình tài trợ và các chính sách hỗ trợ tín dụng cho sinh viên trong bối cảnh tự chủ đại học.

- Các giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam.

- Dự báo về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam.

### **III. Dự kiến sản phẩm**

1. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của Chương trình.

2. Báo cáo chuyển giao kết quả nghiên cứu đến Đảng và Nhà nước về các giải pháp thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, làm luận cứ khoa học để phục vụ cho công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực giáo dục.

3. Báo cáo khoa học của các nhiệm vụ chuyển giao đến các tổ chức khoa học và công nghệ (viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo,...) để làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu và dạy học.

4. Ấn phẩm khoa học công bố kết quả nghiên cứu mới của nhiệm vụ, bao gồm: bài báo đăng trên tạp chí; sách khoa học xuất bản trong nước và quốc tế; kỷ yếu, báo cáo tại hội thảo/ hội nghị khoa học trong nước và quốc tế.

5. Sản phẩm đào tạo: Đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) về các nội dung nghiên cứu của Chương trình, góp phần phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục.

#### **IV. Yêu cầu đối với sản phẩm khoa học**

1. Các sản phẩm của chương trình cần đáp ứng yêu cầu theo đề xuất đặt hàng của cơ quan Đảng và Nhà nước để giải quyết vấn đề cụ thể đặt ra từ thực tiễn; bảo đảm có tính mới về khoa học; khả thi thực hiện chuyển giao và ứng dụng để phục vụ xây dựng và ban hành chủ trương, chính sách phát triển giáo dục góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Sản phẩm khoa học cần đóng góp vào việc phát triển kho tàng tri thức của khoa học giáo dục, mở ra các hướng nghiên cứu mới, thông qua các công bố trên các tạp chí uy tín, hội thảo khoa học, và chia sẻ công khai, rộng rãi để cộng đồng học thuật và thực hành giáo dục có thể tiếp cận.

#### **V. Chỉ tiêu đánh giá**

##### **1. Chỉ tiêu về tính ứng dụng thực tiễn**

- Ít nhất 20% số nhiệm vụ nghiên cứu có sản phẩm (các kiến nghị, giải pháp, mô hình và sản phẩm khoa học khác) đóng góp trực tiếp, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Ít nhất 40% số nhiệm vụ có sản phẩm (các kiến nghị, giải pháp, mô hình và sản phẩm khoa học khác) góp phần giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý, chính sách ở Bộ, ngành.

- Ít nhất 70% số nhiệm vụ có sản phẩm cung cấp những luận cứ cho việc nâng cao nhận thức về lý luận và thực tiễn, góp phần phát triển khoa học giáo dục.

- Ít nhất 50% số nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng trong khoa học giáo dục.

##### **2. Chỉ tiêu về công bố khoa học**

- 100% nhiệm vụ có kết quả được công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành được phê duyệt theo Quyết định của Hội đồng giáo sư nhà nước.

- 80% nhiệm vụ có kết quả được công bố trên các tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus.

- 80% nhiệm vụ có kết quả được xuất bản thành sách khoa học.

##### **3. Chỉ tiêu về đào tạo**

- 80% nhiệm vụ góp phần đào tạo sau đại học.